

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07/9/2018.
V/v: Ly hôn giữa chị D và anh
S.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/8/2018, ngày 07/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hàng Thị D, sinh năm 1992. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A S, sinh năm 1991. Có mặt.

Đều trú tại: Bản Mạo, xã Chiềng Công, huyện ML, tỉnh SL.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trung T, giám đốc Ngân hàng là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

4. *Người phiên dịch:* Bà Vàng Thị Dàng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Hàng Thị D trình bày:

Chị và anh Giàng A S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 02/01/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Công, huyện ML, tỉnh SL. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Giàng A S ngoại tình và hắt hủi chị. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ tháng 2 năm 2018 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Giàng A S.

Về con chung: Có bốn con là Giàng A Mang, sinh ngày 16/11/2004; Giàng Thị Pạng, sinh 05/03/2008; Giàng A Lộng, sinh ngày 08/4/2011; Giàng A Mua Trư, sinh ngày 29/12/2012. Chị xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con Giàng Thị Pạng. Chị không yêu cầu anh Giàng A S cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: 01 ngôi nhà gỗ làm trên diện tích đất ở và đất vườn là 536,7m²; diện tích đất nương là 9684,4m², đất đều đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; một xe máy, hai tủ gỗ, hai giường gỗ, một bộ bàn ghế gỗ, một tủ lạnh; 01 con bò cái do được hỗ trợ 30A cho hộ nghèo.

Chị Hàng Thị D yêu cầu về tài sản: Chị để lại toàn bộ nhà, đất đai, vật dụng trong gia đình cho anh Giàng A S sở hữu. Chị xin được sở hữu 01 con bò cái do được hỗ trợ 30A cho hộ nghèo.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 25.000.000, đồng. Do chị để lại toàn nhà cửa, đất đai cho anh Giàng A S sở hữu, nên anh Giàng A S phải trả nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa chị không công nhận khoản nợ anh Giàng A S đưa ra.

Bị đơn anh Giàng A S trình bày: Tại phiên tòa anh Giàng A S xác nhận quan hệ hôn nhân với chị Hàng Thị D. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị Hàng Thị D, các biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn, biên bản hòa giải cơ sở, bản cam kết của anh Giàng A S có sự chứng kiến của hai bên gia đình và chính quyền bản. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Hàng Thị D trình bày là đúng, việc anh Giàng A S đưa chị Cứ Thị Mo về ở chung đã được chính quyền nhắc nhở nhưng không thay đổi. Nay chị Hàng Thị D xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung Giàng A S công nhận: Có bốn con là Giàng A Mang, sinh ngày 16/11/2004; Giàng Thị Pạng, sinh 05/03/2008; Giàng A Lộng, sinh ngày 08/4/2011; Giàng A Mua Trư, sinh ngày 29/12/2012. Anh Giàng A S tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung anh Giàng A S công nhận có: 01 ngôi nhà gỗ làm trên diện tích đất ở và đất vườn là 536,7m²; diện tích đất nương là 9684,4m², đất đều

đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; một xe máy khi mua giá 17.000.000, đồng, hai tủ gỗ, hai giường gỗ, một bộ bàn ghế gỗ, một tủ lạnh; 01 con bò cái do được hỗ trợ 30A cho hộ nghèo, khi được hỗ trợ gia đình bỏ thêm ra 5.000.000, đồng. Ý kiến của anh Giàng A S về tài sản chung anh lấy hết chỉ cho chị Hàng Thị D một tủ lạnh và tủ gỗ đều bị hỏng.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 25.000.000, đồng. Do chị để lại toàn nhà cửa, đất đai cho anh Giàng A S sở hữu, nên anh Giàng A S phải trả nợ cho Ngân hàng, anh không nhất trí. Ngoài ra tại phiên tòa anh khai thêm còn nợ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

Ông Vàng A Tu và bà Giàng Thị Pang, trú tại: Bản Co Tòng, xã Mường Chùm, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 5.000.000, đồng;

Ông Chương Dương trú tại: Bản Mường Pía, xã Chiềng Hoa, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 2.500.000, đồng;

Ông Thanh Biên (Viên) trú tại: Bản Tả, xã Chiềng Hoa, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 1.500.000, đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL trình bày: Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 1600090741 ngày 10/4/2016 gia đình anh Giàng A S, chị Hàng Thị D vay hai khoản là 25.000.000, đồng theo chương trình hỗ trợ người nghèo. Tính đến ngày 04/6/2018 số tiền nợ gốc là 25.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu anh Giàng A S là người phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Giàng A Tu và bà Giàng Thị Pang trình bày: Anh Giàng A S, chị Hàng Thị D có vay của gia đình ông, bà số tiền 6.000.000, đồng để lấy con bò hỗ trợ 30A, Anh Giàng A S, chị Hàng Thị D đã trả xong hết khoản nợ trên, nay anh Giàng A S khai còn nợ là không đúng.

Đối với hai người liên quan:

Ông Chương Dương trú tại: Bản Mường Pía, xã Chiềng Hoa, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 2.500.000, đồng; Ông Thanh Biên (Viên) trú tại: Bản Tả, xã Chiềng Hoa, huyện ML, tỉnh SL. Số tiền nợ là 1.500.000, đồng. Qua xác minh không có.

Tại phiên tòa chị Hàng Thị D giữ nguyên yêu cầu như trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Có căn cứ để xử cho chị Hàng Thị D được ly hôn anh Giàng A S;

Về con chung: Giao con cho chị Hàng Thị D là người trực tiếp nuôi cháu Giàng Thị Pạng; anh Giàng A S trực tiếp nuôi Giàng A Mang, Giàng A Lộng,

Giàng A Mua Trư là đúng nguyện vọng của các cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Hàng Thị D được sở hữu một con bò cái được hỗ trợ 30A; anh Giàng A S được sở hữu: 01 ngôi nhà gỗ làm trên diện tích đất ở và đất vườn là 536,7m²; diện tích đất nương là 9684,4m², đất đều đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản khác gồm: Một xe máy, hai tủ gỗ, hai giường gỗ, một bộ bàn ghế gỗ, một tủ lạnh.

Về nợ anh Giàng A S và chị Hàng Thị D có trách nhiệm thanh toán trả khoản nợ gốc 25.000.000, đồng và lãi cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, mỗi người ½ số nợ.

Miễn án phí cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Giàng A S sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyện vọng, anh Giàng A S đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Chiềng Công, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ, được xác minh xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Chiềng Công, huyện ML về việc anh Giàng A S vẫn ở nhà bình thường nhưng cố tình không đến tham gia các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập.

Chị Hàng Thị D đề nghị không hòa giải, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được theo quy định khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML.

Tại phiên tòa ngày 09/8/2018 sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và về việc giải quyết vụ án, thì anh Giàng A S đưa ra yêu cầu thêm còn nợ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử chấp nhận ra quyết định tạm ngưng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ mà bị đơn anh Giàng A S đưa ra.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hàng Thị D và anh Giàng A S có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh Giàng A S ngoại tình và hắt hủi chị. Chị Hàng Thị D và anh Giàng A S đã sống ly thân từ tháng 2/2018 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Ủy ban nhân dân xã Chiềng Công, huyện ML xác định nguyên nhân của sự phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng, con của chị Hàng Thị D và anh Giàng A S như trên là đúng.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị Hàng Thị D và anh Giàng A S đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Hàng Thị D yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị Hàng Thị D được ly hôn anh Giàng A S.

[3] Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu cần giao cho chị Hàng Thị D trực tiếp nuôi cháu Giàng Thị Pạng; giao cho anh Giàng A S trực tiếp nuôi Giàng A Mang, Giàng A Lộng, Giàng A Mua Trư là đúng nguyện vọng của các cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung:

Căn cứ vào lời khai của chị Hàng Thị D, lời khai xác nhận tại phiên tòa của anh Giàng A S đã được xem xét thẩm định tại chỗ về tài sản chung được xác định gồm có:

01 ngôi nhà gỗ 3 gian làm trên diện tích đất ở và đất vườn là 536,7m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BR887629, thửa số: 36, tờ bản đồ 140 ngày cấp 14/10/2013;

Diện tích đất nương là 9684,4m², đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri BR887630, thửa số: 2, tờ bản đồ 7 và 138 ngày cấp 14/10/2013. Đều ở bản Mạo, xã Chiềng Công, huyện ML, tỉnh SL.

Tài sản khác gồm: Một xe máy, hai tủ gỗ, hai giường gỗ, một bộ bàn ghế gỗ, một tủ lạnh; 01 con bò cái do được hỗ trợ 30A cho hộ nghèo.

Căn cứ khoản 3 Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Tài sản chung của chị Hàng Thị D và anh Giàng A S được chia theo hiện vật vì chị Hàng Thị D yêu cầu được sở hữu 01 con bò cái do được hỗ trợ 30A cho hộ nghèo đồng thời để lại cho anh Giàng A S được sở hữu toàn bộ tài sản khác và không yêu cầu phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản.

Chấp nhận yêu cầu của chị Hàng Thị D được sở hữu 01 con bò cái do được hỗ trợ 30A cho hộ nghèo.

Anh Giàng A S được sở hữu:

01 ngôi nhà gỗ 3 gian làm trên diện tích đất ở và đất vườn là 536,7m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BR887629, thửa số: 36, tờ bản đồ 140 ngày cấp 14/10/2013;

Diện tích đất nương là 9684,4m², đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri BR887630, thửa số: 2, tờ bản đồ 7 và 138 ngày cấp 14/10/2013. Đều ở bản Mạo, xã Chiềng Công, huyện ML, tỉnh SL;

Tài sản khác anh Giàng A S được sở hữu gồm: Một xe máy, hai tủ gỗ, hai giường gỗ, một bộ bàn ghế gỗ, một tủ lạnh.

[5] Về nợ chung: Chị Hàng Thị D và anh Giàng A S nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML tiền gốc 25.000.000, đồng. Chị Hàng Thị D yêu cầu anh Giàng A S phải trả nợ cho Ngân hàng vì được sở hữu hết tài sản. Ngân hàng yêu cầu anh Giàng A S là người phải trả nợ vì là người trực tiếp vay và sử dụng vốn. Cần chấp nhận buộc anh Giàng A S phải trả khoản nợ gốc 25.000.000, đồng và lãi cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML.

Đối với khoản nợ: Ông Vàng A Tu và bà Giàng Thị Pang được xác định không có nợ như anh Giàng A S khai ra; đối với khoản nợ: Ông Chương Dương trú tại: Bản Mường Pia, xã Chiềng Hoa, huyện ML, tỉnh SL; Ông Thanh Biên (Viên) trú tại: Bản Tả, xã Chiềng Hoa, huyện ML, tỉnh SL. Được xác định qua xác minh của Công an xã Chiềng Hoa, huyện ML, tỉnh SL thì không có ai tên như anh Giàng A S khai ra. Do đó việc anh Giàng A S đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên là không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[6] Căn cứ đơn xin miễn án phí; biên bản xác minh xác định gia đình chị Hàng Thị D và anh Giàng A S thuộc hộ nghèo, cần miễn án phí cho các đương sự theo quy định của điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 59, Điều 62, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Hàng Thị D được ly hôn anh Giàng A S.

2. Về con chung:

Giao cho chị Hàng Thị D trực tiếp nuôi cháu Giàng Thị Pạng, sinh 05/03/2008.

Giao cho anh Giàng A S trực tiếp nuôi cháu Giàng A Mang, sinh ngày 16/11/2004; Giàng A Lộng, sinh ngày 08/4/2011; Giàng A Mua Trư, sinh ngày 29/12/2012. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản riêng: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung:

Chị Hàng Thị D được sở hữu 01 con bò cái do được hỗ trợ 30A cho hộ nghèo.

Anh Giàng A S được sở hữu:

01 ngôi nhà gỗ 3 gian làm trên diện tích đất ở và đất vườn là 536,7m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BR887629, thửa số: 36, tờ bản đồ 140 ngày cấp 14/10/2013;

Diện tích đất nương là 9684,4m², đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri BR887630, thửa số: 2, tờ bản đồ 7 và 138 ngày cấp 14/10/2013. Đều ở bản Mạo, xã Chiềng Công, huyện ML, tỉnh SL.

Tài sản khác anh Giàng A S được sở hữu gồm: Một xe máy, hai tủ gỗ, hai giường gỗ, một bộ bàn ghế gỗ, một tủ lạnh.

Về nợ chung: Anh Giàng A S phải trả khoản nợ tiền gốc 25.000.000, đồng (hai mươi năm triệu đồng) và lãi cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL. Theo sổ vay vốn mã khách hàng 1600090741 ngày 10/4/2016.

5. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí chia tài sản cho chị Hàng Thị D và anh Giàng A S.

Trả cho chị Hàng Thị D số tiền 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000713 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị Hàng Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 09/8/2018. Anh Giàng A S. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã Chiềng Công, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (3);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn

